

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-10-2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Đượm**

Ông Hồ Văn Tài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Vào ngày 30/10/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2020/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị L**, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh B

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí C**, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã X, huyện L, tỉnh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, chị và anh Nguyễn Chí C chung sống với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai, bỏ mặc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn bản thân anh chị và hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Chí C có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 08/7/2013 và cháu Nguyễn Võ Quỳnh H, sinh ngày 09/01/2006. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Chị không yêu cầu anhC cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Chí C trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trên cơ sở tự nguyện anh và chị L chung sống với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai, bỏ mặc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn bản thân anh chị và hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý lý hôn, ly do anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 08/7/2013 và cháu Nguyễn Võ Quỳnh H, sinh ngày 09/01/2006. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị L yêu cầu ly hôn với anhC, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anhC. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Võ Quỳnh H, sinh ngày 09/01/2006 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 08/7/2013. AnhC, chị L thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao hai cháu Hân và Nguyễn cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anhC. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Võ Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Chí C, do đó xác định chị L là nguyên đơn, anh C là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Chí C có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt chị L và anh C tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Chí C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L nhận thấy: Chị L yêu cầu ly hôn anh C. Anh C không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị L. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh C đều thừa nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai, bỏ mặc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn bản thân anh chị và hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp

[4] Về con chung: Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Võ Quỳnh H, sinh ngày 09/01/2006 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 08/7/2013. Anh C, chị L thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao hai cháu Hân và Nguyễn cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét nhận định của Kiểm sát viên: Phù hợp, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Võ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Chí C.

- **Về con chung:** Giao hai con chung là cháu Nguyễn Võ Quỳnh H, sinh ngày 09/01/2006 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 08/7/2013 cho chị L nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Võ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004101 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Chí C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa